



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7917**/UBND-TCKH

Củ Chi, ngày **20** tháng **8** năm 2020

Về hướng dẫn xây dựng dự toán
thu chi ngân sách năm 2021, kế
hoạch tài chính – ngân sách
3 năm giai đoạn 2021-2023

Kính gửi:

- Chi Cục Thuế huyện;
- Chi Cục Thống kê huyện;
- Bảo hiểm Xã hội huyện;
- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Công văn số 3080/UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn khẩn trương thực hiện việc xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023 theo các **phụ lục từ số 01 đến số 11** đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính, gửi về Ủy ban nhân dân huyện thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện (bằng văn bản và địa chỉ mail: tckh.cuchi@tphcm.gov.vn) **trước ngày 24 tháng 8 năm 2020** để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính theo quy định, cụ thể như sau:

- Chi Cục thuế huyện: Báo cáo theo **Phụ lục số 01 và 11**;
- Chi Cục thống kê huyện, Bảo hiểm Xã hội huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Kinh tế, Phòng Y tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Trung cấp nghề Củ Chi, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên: Báo cáo theo **Phụ lục số 03 và 07**;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện: Báo cáo theo **Phụ lục số 02**;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Báo cáo theo các **Phụ lục số 02, 04, 06, 08, 09, 10, 11, 12**.

- Ngoài ra các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện: Báo cáo theo các **Phụ lục số 05, 06, 09.**

(Đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính và các phụ lục)

Trên đây là ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Lưu: VT, TCKH.02.LTNHân.10.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 5055 /STC-NS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Về hướng dẫn xây dựng dự toán
thu chi ngân sách năm 2021, kế
hoạch tài chính – ngân sách 3 năm
giai đoạn 2021-2023.

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết về lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023.

Nhằm đảm bảo việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2021-2023 trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Sở Tài chính hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi NSNN năm 2020; xây dựng dự toán thu chi NSNN năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2020 VÀ 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020:

Các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ kết quả thu 7 tháng đầu năm để đánh giá kết quả thực hiện thu NSNN năm 2020; trong đó tập trung đánh giá, phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2020; thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác, đặc biệt là đại dịch Covid-19 tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Tác động của biến động giá dầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, gạo và hàng hóa nông sản khác trên thị trường thế giới, trong nước; tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 7 tháng đầu năm.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2020 (kể cả các chính sách thu phí thực hiện theo Nghị quyết 54/2017/QH14) và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020.

- Đánh giá tình hình triển khai các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020, trong đó bao gồm chính sách giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN; công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2020, dự kiến số nợ

xử lý trong 6 tháng cuối năm 2020 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh năm 2020 theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó, dự kiến số kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng trong năm 2020 gắn với tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng và xử lý thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước (*bao gồm tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước*), đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác trong năm 2020; đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí).

- Đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2020 theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng theo Nghị quyết 54/2017/QH14, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc quy định tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN, khoản trích qua công tác thanh tra và số ước sử dụng năm 2020.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế về thu NSNN, các nhiệm vụ và biện pháp triển khai thực hiện quản lý thu NSNN; trong đó tập trung đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

- Đánh giá thực hiện thu NSNN 05 năm giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Đánh giá kết quả thực hiện các khoản thu không cân đối vào NSNN thuộc các lĩnh vực sự nghiệp giai đoạn 2016-2020, chi tiết số thu phí theo từng lĩnh vực được để lại, giá dịch vụ và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), số dự toán sử dụng và còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Đánh giá kết quả thực hiện các khoản thu được để lại theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định của các cấp thẩm quyền, số dự toán sử dụng giai đoạn 2016-2020 và còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết theo nguồn NSNN, nguồn phí để lại, các khoản thu nghiệp vụ, khoản trích qua công tác thanh tra.

II. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao, kết quả chi ngân sách trong 7 tháng đầu năm và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội để đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2020. Cụ thể:

1. Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển năm 2020

- Đánh giá việc phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư phát triển cho các Chương trình, dự án, công trình trong năm 2020 theo Luật Đầu tư công (gồm cả kế hoạch vốn được điều chỉnh, bổ sung theo phê duyệt của cấp thẩm quyền); thời hạn phân bổ và giao kế hoạch vốn cho chủ đầu tư; kết quả bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước.

- Đánh giá tình hình giải ngân, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư phát triển đến hết quý II năm 2020, dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong đó đánh giá chi tiết theo từng nguồn vốn (chi tiết vốn cân đối NSDP, vốn NSTP hỗ trợ có mục tiêu, vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án (sắp xếp danh mục dự án theo nguồn vốn đầu tư, lĩnh vực đầu tư, giai đoạn thực hiện), báo cáo cụ thể thời gian khởi công – hoàn thành, tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế từ khởi

công đến hết năm 2019; kế hoạch vốn năm 2020 - kể cả kế hoạch vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2020, kèm theo thuyết minh).

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 từ nguồn thu này.

- Đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); số nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; ước số xử lý trong năm 2020; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (chi tiết từng dự án). Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của thành phố.

- Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Đánh giá việc chuyển đổi các nhiệm vụ đầu tư theo hình thức hợp tác công tác tư sang hình thức NSNN đầu tư trực tiếp 100% và tác động đến NSNN, việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2020 (nếu có).

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết cho đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng của thành phố, quận huyện.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2020, dự kiến đến hết năm 2020; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2020 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành năm 2020, chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo sở Kế hoạch và đầu tư thành phố, đồng gửi Sở Tài chính thành phố.

- Đối với lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2020 theo quy định hiện hành, chi tiết từng nguồn kinh phí, theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo sở Kế hoạch và đầu tư thành phố, đồng gửi Sở Tài chính thành phố.

- Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra theo Khoản 10, Điều 8, Thông tư số 71/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020.

1.2 - Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020:

- Đánh giá việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua, chi tiết theo từng nguồn vốn (kể cả các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020). Đánh giá lũy kế dự toán chi đầu tư phát triển được giao hàng năm (kể cả số kế hoạch vốn giao đầu năm; số bổ sung, điều chỉnh trong năm) so với phân kỳ từng năm trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó chi tiết nguồn cân đối NSDP, nguồn NSTP thành phố bổ sung có mục tiêu, nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn ngoài nước và vốn trong nước.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trung hạn 2016-2020 (nếu có); trong đó làm rõ kế hoạch vốn đã bố trí hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 để xử lý; tổng số nợ xây dựng cơ bản còn lại đến hết năm 2020. Tình hình thu hồi vốn ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020, làm rõ số ứng trước chưa bố trí được nguồn để thu hồi.

- Báo cáo số dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020; số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được bố trí vốn hàng năm; số dự án đang triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang giai đoạn 2021 – 2025 để tiếp tục đầu tư (chi tiết dự án theo nhóm A, nhóm B, nhóm C).

- Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định của pháp luật có liên quan; số thu, nộp ngân sách nhà nước và lũy kế dự toán chi đầu tư phát triển được cấp thẩm quyền giao từ nguồn này trong giai đoạn 2016-2020; số tiền đã nộp đến hết năm 2020 chưa sử dụng, nhu cầu vốn còn phải bố trí đối với các dự án đầu tư từ nguồn này (đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định); báo cáo số dự án đã thực hiện, đã quyết toán đến hết năm 2020 nhưng chưa được ghi thu – ghi chi vào cân đối NSNN (nếu có).

1.3. Các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 (nếu có), chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo sở Kế hoạch và đầu tư thành phố, đồng gửi sở Tài chính thành phố.

1.4. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 theo quy định hiện hành, chi tiết từng

nguồn kinh phí, theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo sở Kế hoạch và đầu tư thành phố, đồng gửi sở Tài chính thành phố.

1.5. Đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa so với chủ trương, kế hoạch được cấp thẩm quyền giao (*về tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; thực tế nguồn lực đã huy động được, chi tiết theo danh mục các công trình, dự án, chương trình, nội dung được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực*) trong năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

1.6. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước; đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán, thực hiện dự toán chi năm 2020, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2020 (nếu có); lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2020 so với mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn 2016-2020 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020 theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

1.7. Đối với ngân sách huyện, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện đánh giá thêm nội dung về việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2020 và giai đoạn 2016-2020:

- Báo cáo số xã thực hiện đề án nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, số xã được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2020.

- Tổng nguồn kinh phí thực hiện, trong đó báo cáo, đánh giá chi tiết theo từng nguồn (ngân sách nhà nước gồm nguồn ngân sách địa phương, ngân sách thành phố hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu (nếu có); các nguồn lực huy động từ cộng đồng, nguồn vốn khác...).

2. Đánh giá tình hình thực hiện chỉ thường xuyên năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 – 2020:

Các Sở -ban -ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiến hành đánh giá tình hình thực hiện chỉ thường xuyên; trong đó, tập trung đánh giá các vấn đề sau:

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 7 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 theo từng chỉ tiêu nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách, biện pháp trong phòng chống, dịch Covid-19 (Nghị quyết số 37/NQ-CP, Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 437/QĐ-TTg, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg).

b) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn trong 7 tháng, dự kiến cả năm 2020; giai đoạn 2016 - 2020; những khó khăn vướng mắc và đề xuất hướng xử lý. Cụ thể:

- Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Báo cáo kinh phí điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 do giảm hệ số chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 19/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố; **tình hình thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên do tác động của đại dịch Covid-19 (cắt giảm tối thiểu 70% dự toán kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước; 10% dự toán chi thường xuyên các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, bao gồm cả kinh phí thực hiện các đề án mua sắm chưa thực hiện).**

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19...).

- Tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được **trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020** (chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm) đối với việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Tiết c, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

- Tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được **7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và tổng hợp lũy kế** tình hình thực hiện đến hết năm 2020 (chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm) đối với việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Tiết d, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

- Lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề; đánh giá kết quả thực hiện lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ y tế, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

c) Các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 (nếu có), chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và lương đặc thù), chi bộ máy, chi chuyên môn, nghiệp vụ; theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, nguồn thu nghiệp vụ); xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên tiếp - nếu có; gửi cơ

quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

d) Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

đ) Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

e) Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

Đối với các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2020; nêu những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện.

g) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương: Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện đánh giá việc thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

h) Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với lĩnh vực dịch vụ công ích, vận chuyển hành khách công cộng.

i) Đối với ngân sách quận - huyện, đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện đánh giá thêm một số nội dung sau:

- Do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, ngân sách thành phố gặp nhiều khó khăn; trường hợp dự kiến thu ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong khi vẫn phải chi thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, địa phương phải chủ động xây dựng phương án điều hành, sử dụng các nguồn lực của mình theo quy định để đảm bảo cân đối NSDP gồm: nguồn tiết kiệm chi; nguồn dự phòng NSDP còn lại (nếu có), nguồn tăng thu NSDP năm 2019 chuyển sang năm 2020 (phần còn lại sau khi đã dành nguồn

70% để cải cách tiền lương – nếu có), nguồn kết dư ngân sách Quận huyện – Phường, xã – thị trấn để hỗ trợ bù hụt thu NSDP.

- Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và tình hình sử dụng dự phòng NSDP, đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2020: chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19).

- Báo cáo nguồn cải cách tiền lương năm 2020, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện tiền lương trong năm 2020, sử dụng để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo quy định.

k) Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra theo Khoản 10, Điều 8, Thông tư số 71/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020.

3. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2020:

Các đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện, triển khai các nhiệm vụ năm 2020, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý. Trên cơ sở đó, tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu, không phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021:

I. Nguyên tắc chung:

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho thời kỳ ổn định ngân sách mới sang năm 2021.

Do đó, các sở - ngành, quận - huyện cần tập trung xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; các định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-

2025 và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW. Chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2021 trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Việc xây dựng dự toán ngân sách phải đảm bảo đúng chế độ, chính sách Pháp luật của Nhà nước, theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán ngân sách nhà nước; quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

II. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2021:

1. Dự toán thu NSNN năm 2021 phải được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Việc xây dựng dự toán thu năm 2021 phải bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế và đón các dòng đầu tư mới (trong và ngoài nước); tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại EVFTA; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, trên cơ sở khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và thu ngân sách năm 2020 theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách nhà nước (kể cả các chính sách thu phí thực hiện theo Nghị quyết 54/2017/QH14); các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu ngân sách nhà nước năm 2021 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2021.

- Dự toán thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và tiến độ triển khai các công việc có liên quan.

Dự toán số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) nộp ngân sách nhà nước; NSNN ưu tiên bố trí dự toán chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ sử dụng nguồn này

theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

- Việc xây dựng dự toán phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và giao dự toán chi từ nguồn thu phí, lệ phí:

+ Các Sở - ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận huyện ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2020, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2021 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí. Riêng đối với các tổ chức thu phí, lệ phí là cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Sở Tài chính đề nghị nộp toàn bộ số phí và lệ phí thu được từ các hoạt động do đơn vị thực hiện vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các Sở - ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận huyện, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Sở - ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận huyện tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chỉ để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2. Xây dựng dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau thuế) **tăng bình quân tối thiểu 9%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2020. Dự toán thu ngân sách quận- huyện bao gồm đầy đủ nguồn thu trên địa bàn.

3. Đối với dự toán số hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, khả năng phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh trên địa bàn, để tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế GTGT phát sinh trên địa bàn theo các chính sách, chế độ hiện hành và các chế độ chính sách mới có hiệu lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra trước và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT.

4. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2021; xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2021.

- Các Sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận-huyện chỉ được chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại khi có dự toán thu. Trường hợp các khoản thu viện trợ phát sinh sau thời điểm trình dự toán thì phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với viện trợ đầu tư phát triển) hoặc Sở Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, trình Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận bổ sung dự toán thu làm cơ sở để bổ sung dự toán chi theo quy định.

III. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2021:

1. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 được xây dựng trong phạm vi nguồn thu thành phố được hưởng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 (Căn cứ tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017- 2021); phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2021 và giai đoạn 2021-2025; ước khả năng thực hiện năm 2021, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương **chi tiết từng lĩnh vực** chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Để đảm bảo sự ổn định trong quá trình điều hành ngân sách và tập trung cho việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của thành phố, các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện khi xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2021 **cần dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạn chế tối đa việc đề nghị bổ sung ngoài dự toán.** Đối với các đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ phải trên cơ sở điều tra, khảo sát nắm chắc số lượng đối tượng, đánh giá kỹ các tồn tại; tính toán lồng ghép giữa các chính sách, chế độ dự kiến sửa đổi hoặc ban hành mới với các chính sách hiện hành; phối hợp với cơ quan tài chính hướng dẫn, tính toán cụ thể đảm bảo cân đối được kinh phí thực hiện và khi chính sách được ban hành có thể triển khai được ngay. **Không bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách thành phố** cho những nhiệm vụ chi mà các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện khi **xây dựng dự toán ngân sách không tổng hợp đầy đủ kinh phí** theo chế độ quy định để thực hiện.

2. Khi xây dựng dự toán chi NSNN năm 2021 cần chú ý các nội dung sau:

2.1- Đối với chi đầu tư phát triển

- Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách thành phố năm 2021 phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và giai đoạn 5 năm 2021 – 2025 của thành phố; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 và khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

- Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn hẹp, cân đối thu chi còn nhiều khó khăn, việc bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 phải

tuan thủ nghiêm các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư công¹, đảm bảo các dự án đầu tư được giao kế hoạch đều phù hợp với quy hoạch được duyệt và đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định.

- Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; khả năng cân đối các nguồn lực đầu tư; giải trình cụ thể dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021, **chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN**, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có)), nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW từ nguồn vốn ngoài nước (gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại) và vốn trong nước; cho các nhiệm vụ đầu tư theo thứ tự ưu tiên quy định.

- Bố trí đủ dự toán vốn chi đầu tư nguồn NSNN năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 sang giai đoạn 2021-2025; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước. Mức bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2021. Việc bố trí kế hoạch vốn ngoài nước phải phù hợp với nội dung của Hiệp định vay vốn nước ngoài, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2021 và không có khả năng gia hạn.

- Căn cứ số đã thu, đã chi đầu tư phát triển từ nguồn sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp ngân sách nhà nước các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2021, Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận – huyện lập dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu này theo quy định. Trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán do chưa được bố trí kế hoạch vốn; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2021; tổng hợp trong dự toán chi đầu tư phát triển của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận – huyện gửi Sở Kế hoạch và đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách thành phố.

¹Bao gồm các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ đầu tư phát triển (bao gồm các nhiệm vụ chuyên tiếp - nếu có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

- Đối với công tác lập quy hoạch, thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về triển khai các nội dung Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số Điều của Luật Quy hoạch theo Tiết đ, Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

2.2- Đối với chi thường xuyên:

- Trong điều kiện cân đối ngân sách còn khó khăn, yêu cầu các sở - ban - ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; tiếp tục cơ cấu lại nhiệm vụ chi NSNN, đồng thời tiếp tục cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo quy định. Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; các cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, tham gia đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Dự toán chi hoạt động năm 2021 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế; kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó,

thực hiện kiêm nhiệm chức danh, sáp nhập các xã chưa đạt chuẩn...; trong đó: thực hiện tinh giản biên chế năm 2021 theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có), hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có), hoặc phần còn phải giảm để đảm bảo thực hiện chỉ tiêu tinh giản biên chế cả giai đoạn đến năm 2021 hoặc mức giảm biên chế tối thiểu hằng năm theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW đối với các trường hợp chưa có quyết định tinh giản biên chế/Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt.

Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên); nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Dự toán chi hoạt động năm 2021 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong từng lĩnh vực sự nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Tiết c, Khoản 3, Điều 12 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ chi thường xuyên (bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp - nếu có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp.

- Các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2021 phải căn cứ nhiệm vụ chính trị được giao, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; căn cứ chính sách, chế độ, định mức chi, số đối tượng theo các quy định hiện hành (Lưu ý dự toán kinh phí tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV).

Xác định quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở **1.490.000 đồng/tháng** (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2020 (trong phạm vi biên chế năm 2021), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

Trường hợp mức lương cơ sở trong năm 2021 có điều chỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền sẽ điều chỉnh tương ứng số tính toán nêu trên. Lưu ý xác định rõ quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp **tăng thêm** khi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ **1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng**

Xác định số thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND và Công văn số 1456/UBND-KT; theo đó, hệ số tăng thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức là 0,6 lần (hoặc 0,8 lần) so với tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ.

Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu cho phần chênh lệch tiền lương tăng từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng, nhu cầu thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ, nhu cầu kinh phí hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc năm 2021 theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố, và số thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù năm 2021 (tính đủ 12 tháng).

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ, phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015; chính sách điều chỉnh

mức học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở và bổ túc Trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/06/2014, chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017, chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018, chính sách hỗ trợ cho giáo viên dạy hòa nhập khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 của Chính phủ...

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Đối với công tác vệ sinh môi trường, duy tu giao thông, vận chuyển hành khách công cộng có trợ giá từ ngân sách và các dịch vụ công khác: khi xây dựng dự toán có tính toán đến chủ trương xã hội hóa, triển khai có hiệu quả chủ trương đấu thầu, đặt hàng. Đồng thời; các đơn vị thuộc lĩnh vực nêu trên, khi xây dựng dự toán cần chi tiết nguồn kinh phí từ xã hội hóa, các nguồn vốn khác (nếu có) và nhu cầu bố trí từ ngân sách nhằm tiết kiệm kinh phí từ ngân sách.

Riêng kinh phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện xác định cụ thể và chịu trách nhiệm về số kinh phí các hộ dân, chủ nguồn thải phải chi trả cho công tác này theo quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhằm giảm kinh phí ngân sách chi trả theo quy định.

- Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đối với những khoản chi thường xuyên không có định mức phân bổ, dự toán năm 2021 được xây dựng trên cơ sở: đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2020, dự kiến nhiệm vụ năm 2021 (làm rõ các khoản chi chỉ phát sinh năm 2020, không phát sinh năm 2021, các khoản phát sinh tăng mức năm 2021 theo

chế độ, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt), số kiểm tra ngân sách năm 2021 đã được thông báo và các chế độ chi tiêu theo quy định. Dự toán cần sắp xếp thứ tự ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện những chế độ, chính sách chi đã được ban hành; những nhiệm vụ quan trọng cấp có thẩm quyền đã giao cho từng ngành, từng lĩnh vực.

- Đối với các nội dung không giao tự chủ như kinh phí nghiệp vụ chuyên môn, mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định, phương tiện vận tải...; các đơn vị cần rà soát để bố trí dự toán ngay từ đầu năm sát với nhu cầu thực tế, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tùy theo khả năng cân đối ngân sách; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán trong năm; **đặc biệt đối với xe ô tô, phương tiện vận tải sẽ không bổ sung kinh phí ngoài dự toán để mua sắm.**

- Đối với các tổ chức thu phí, lệ phí là cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; trường hợp có phát sinh một số nội dung chi đặc thù để phục vụ công tác thu phí mà định mức khoán quản lý hành chính chưa đảm bảo như văn phòng phẩm (in phôi giấy, sổ, ...), chi phí thẩm định cấp giấy phép (chi phí vận chuyển, lấy mẫu, xét nghiệm mẫu, ...), và một số chi phí khác có liên quan; Sở Tài chính đề nghị cơ quan thu phí, lệ phí thực hiện như sau:

- Đối với Sở, ban-ngành: xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí gửi đơn vị dự toán cấp 1 tổng hợp, gửi Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện theo quy định.

- Đối với đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận-huyện: xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân các quận-huyện bố trí kinh phí từ nguồn dự toán Thành phố đã bố trí đầu năm cho các quận-huyện.

- Đối với các nội dung chi thường xuyên thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế đã được phân cấp cho ngân sách quận - huyện, các Sở - ban - ngành chức năng cần quan tâm hướng dẫn ngay cho các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện xác định cơ sở, đối tượng chi, định mức chi để đưa vào dự toán chi ngân sách năm 2021. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục - đào tạo, đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo các đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; căn cứ kết quả hoạt động sự nghiệp, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề để lập dự toán thu, chi năm kế hoạch (phòng Tài chính – Kế hoạch các quận – huyện không tham mưu bố trí theo định mức chi đầu học sinh).

- Các Sở - ban - ngành chức năng có trách nhiệm đánh giá, rà soát hệ thống các chính sách, chế độ, định mức hiện hành thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Khi đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, định mức cần thực hiện khảo sát để nắm chắc số lượng đối tượng, dự kiến nhu cầu kinh phí; tính toán lồng ghép giữa các chế độ sửa đổi hoặc ban hành mới với các chế độ hiện hành; phối hợp với Sở Tài chính để tính toán khả năng

cân đối nguồn ngân sách thực hiện trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2.3- Đối với xây dựng dự toán các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công: xây dựng dự toán chi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Khoản 5, Điều 12, Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

2.4- Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

Thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết cơ chế tài chính, nguồn vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; phân biệt rõ tính chất của dự án là cấp phát hoặc vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vốn cho từng phần.

Các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, chủ chương trình, dự án phải lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

Các chương trình, dự án tham gia cùng các bộ, cơ quan trung ương, phải lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định, đồng gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án tổng hợp, theo dõi.

Đối với các chương trình, dự án ô, các cơ quan chủ dự án thành phần có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án thành phần, gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chi tiết theo nguồn vốn, theo nhiệm vụ.

đ) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2021, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của đơn vị, tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm, 70% nguồn tăng thu thực hiện của NSDP so với dự toán năm 2020, 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2021 của NSDP so với dự toán năm 2017 và nguồn thực hiện cải cách tiền lương hết năm 2020 còn dư chuyển sang (nếu có) theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Khoản 7, Điều 12, Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

g) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 phải theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

h) Ngân sách quận - huyện, phường - xã - thị trấn bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 chủ động ứng phó

với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

i) Căn cứ số kiểm tra thu - chi ngân sách năm 2021, các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện khi xây dựng dự toán chi cần thuyết minh chi tiết, phân tích cụ thể cơ sở tính toán dự toán ngân sách năm 2021 nhất là đối với các nội dung phát sinh do được giao thêm nhiệm vụ, do nhu cầu mua sắm, sửa chữa... trên tinh thần triệt để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách; phải đảm bảo chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, từng phường - xã - thị trấn để khi nhận được dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua và Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao có thể đảm bảo thực hiện phân bổ và giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31/12/2020 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

k) Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện được giao quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố; trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện năm 2020, lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2021 tới cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động. Kiến nghị việc xử lý đối với trường hợp đánh giá có số dư Quỹ tính dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Về cân đối chi ngân sách các cấp quận - huyện, phường - xã:

Ủy ban nhân dân các quận- huyện căn cứ số dự kiến giao thu ngân sách nhà nước năm 2021 do Cục Thuế thông báo để xác định nguồn thu ngân sách quận- huyện được hưởng theo phân cấp (trên cơ sở tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021).

Căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố được ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021; trên cơ sở kết quả thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân các quận- huyện; Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận- huyện.

5. Các biểu mẫu liên quan công tác lập dự toán năm 2021:

* Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 23, 24, 25, 26, 27, 33 và 34.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 25, 36, 38, 41, 46, 55, 61 và 62.

* *Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*

- Đối với các Sở, ban, ngành thành phố:

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 05, 06, 07, 09, 11.1, 12, 13, 14, 15.

+ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020: mẫu biểu số 02, 03.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017: mẫu biểu số 28, 45.

- Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện: mẫu biểu 02, 03, 04, 05 và 06 (đính kèm).

III. Xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023:

Theo quy định tại Luật NSNN năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023 phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Nguyên tắc chung:

- Việc xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2021-2023 căn cứ kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2020 – 2022 đã được rà soát, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2016-2020; giả định tiếp tục thực hiện các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021; các trần chi tiêu giai đoạn 2021 – 2023 đã được thông báo, bám sát mục tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020 và dự kiến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

- Việc lập, báo cáo, tổng hợp kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm được tiến hành thực hiện đồng thời với quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

- Đối với năm 2022-2023, việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt. Trong đó, dự toán thu ngân sách địa phương tạm tính theo tỷ lệ phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách của thời kỳ ổn định NSNN 2017-2021 và dự toán chi năm 2022-2023 tạm xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

2. Xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023:

a) Xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2020-2022, dự toán thu ngân sách nhà

nước năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2021, năm 2022; trong đó, lập kế hoạch thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh bình quân năm 2021 tăng khoảng 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020, các năm 2022-2023 tăng khoảng 10-11%/năm; tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 4-6%/năm trong giai đoạn 2021-2023.

- Xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN; phù hợp với kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan

- Xây dựng Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 phải trên cơ sở đánh giá toàn diện kế hoạch phát triển 2016-2020, trong đó có tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2020; khả năng phát triển kinh tế, từng ngành nghề, lĩnh vực trong giai đoạn 2021-2023 phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; phải tính đến các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế (như các định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới về tài chính - ngân sách; năng lực đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động thương mại của từng năm...) tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước. Trong đó, cập nhật, phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự kiến triển khai các chính sách thu mới theo quy định tại Nghị quyết 07-NQ/TW của Chính phủ trên địa bàn thành phố. Đồng thời, đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023.

b) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định:

Các Sở - ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận huyện căn cứ tình hình thực hiện số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2020, số dự kiến thu năm 2021 đã lập theo hướng dẫn tại mục II Công văn này; dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2022 và năm 2023 để xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm phù hợp, tích cực và đúng quy định.

3. Xây dựng kế hoạch chi NSNN 03 năm 2021-2023:

a) Chi cân đối NSNN:

Năm 2022 được xác định bằng dự kiến chi cân đối năm 2021 (đã bao gồm các chế độ chính sách an sinh xã hội được ban hành tới thời điểm xây dựng dự toán 2021), riêng chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết bố trí bằng số thu. Đối với các năm tiếp theo, chi cân đối NSNN được bố trí tăng tương ứng với số tăng thu NSDP được hưởng theo phân cấp.

b) Chi đầu tư phát triển:

- Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2021-2023, ước thực hiện năm 2020, trên chi ngân

sách giai đoạn năm 2020-2022; các mục tiêu, kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố, quận – huyện; lộ trình thực hiện 3 chương trình trọng điểm và 01 chương trình đột phá theo Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội Thành phố và khả năng cân đối của ngân sách thành phố để lập kế hoạch chi đầu tư phát triển 03 năm 2021-2023.

- Đối với năm 2022-2023, chi đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công 2019 và các Nghị định hướng dẫn; việc lập kế hoạch đầu tư phải dựa trên khả năng cân đối các nguồn lực cho đầu tư phát triển; danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp theo tiến độ thực hiện; các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt, thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành và phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

c) Chi thường xuyên:

- Kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2020-2022 được xây dựng dựa trên kết quả cập nhật đánh giá kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022, số ước thực hiện năm 2020 và trần chi ngân sách giai đoạn 2021-2023 được cơ quan có thẩm quyền thông báo. Trường hợp đã chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2021-2023 nhưng nhu cầu chi vượt trần được thông báo; phải thuyết minh cụ thể nguyên nhân tăng nhu cầu chi là thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời phải đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính đảm bảo cho nhu cầu chi này nhằm thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

- Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị được đảm bảo từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ khác theo chế độ quy định, thì số dự kiến thu phải được chi tiết từng năm, cùng với các đánh giá, thuyết minh có liên quan.

- Kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2021-2023 được lập chi tiết theo từng năm, từng lĩnh vực chi; trong đó thuyết minh cụ thể các nội dung như sau:

+ Những định hướng lớn về phát triển ngành, lĩnh vực, các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong năm 2021-2023; các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách chi ngân sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành; sự thay đổi do cải cách quy trình kiểm soát chi ngân sách có tác động, ảnh hưởng như thế nào đến nhu cầu, kế hoạch chi trong giai đoạn 2021-2023 (phân tích định tính và định lượng – nếu có); ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành.

+ Xác định khả năng giảm chi thường xuyên các lĩnh vực sự nghiệp năm 2021-2023 theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự

ng nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

+ Dự báo rủi ro tác động đến số chi ngành, lĩnh vực của kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023 (đánh giá định tính và định lượng – nếu có);

+ Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm đã lập và giải pháp đảm bảo việc thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm trong trường hợp xảy ra rủi ro.

- Ngoài các nội dung hướng dẫn nêu trên, việc lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2021-2023 cần lưu ý đánh giá các nội dung sau:

+ Đối với các sở, ban, ngành thành phố:

Trong quá trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021, các cơ quan, đơn vị xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 07 năm 2017 của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2022, năm 2023.

+ Đối với Ủy ban nhân dân các quận – huyện:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của Ủy ban nhân dân quận – huyện và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2021, trên chi do Sở Tài chính thông báo trong 03 năm 2021-2023; đề nghị Ủy ban nhân dân quận – huyện dự báo tình hình kinh tế - xã hội tác động đến kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023 để dự kiến nguồn thu NSNN trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo phân cấp, dự kiến nhu cầu chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và nhu cầu chi thường xuyên của Ủy ban nhân dân quận – huyện năm dự toán và 02 năm tiếp theo, chi tiết số liệu và thuyết minh theo từng lĩnh vực chi và gửi Sở Tài chính để làm cơ sở tổng hợp vào kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023 của thành phố.

4. Việc lập kế hoạch chi thực hiện các CTMTQG, CTMT; kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm cả vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài; kế hoạch tạo nguồn cải cách tiền lương dựa trên cơ sở hướng dẫn tại Mục II Công văn này. Đối với năm 2022-2023 không lập kế hoạch chi cho các CTMTQG, CTMT, việc bổ sung chi cho các nhiệm vụ này sẽ được cập nhật sau khi cấp thẩm quyền có chủ trương quyết định về triển khai các chương trình CTMTQG, CTMT sau năm 2021.

5. Các mẫu biểu liên quan công tác lập kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2020-2022:

* Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):

+ Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017: mẫu biểu số 15.

- + Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 11
- * *Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*
- + Đối với các sở, ban, ngành thành phố: báo cáo theo mẫu biểu từ số 13 đến số 22 đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 07 năm 2017.
- + Đối với Ủy ban nhân dân các quận – huyện: báo cáo theo mẫu biểu số 07, 08, 09, 10, 11, 12 (đính kèm).

IV/ LẬP KẾ HOẠCH VAY, SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM 2020, KẾ HOẠCH 03 NĂM 2021-2023:

1. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi báo cáo tình hình và kế hoạch vay, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo các nội dung sau:

- Tình hình huy động, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2020: dư nợ đầu năm; huy động trong năm (đến ngày 30/6/2020 và ước cả năm 2020); số trả nợ gốc, lãi và phí (đến ngày 30/6/2020 và ước cả năm 2020), dư nợ vay (đến ngày 30/6/2020 và ước đến ngày 31/12/2020).

- Xây dựng kế hoạch vay và trả nợ năm 2021: dự kiến số vay và số trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) trong năm 2021 đối với:

- + Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

- + Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm v.v...

- Dự kiến kế hoạch vay và trả nợ 03 năm 2021-2023 theo từng năm (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) đối với:

- + Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

- + Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm v.v...

- *Về mẫu biểu báo cáo:*

- + Về lập kế hoạch vay, sử dụng và trả nợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi năm 2021: Chi tiết theo Mẫu biểu số 01 Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính.

- + Về lập kế hoạch 03 năm 2021-2023: chi tiết theo Mẫu biểu số 2.03 và Mẫu biểu số 2.04 ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Các Chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thực hiện đúng hạn, đúng nội dung, đảm bảo tính chính xác của số liệu và gửi báo cáo về Sở Tài chính để có cơ sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính. Trường hợp các đơn vị không tổng hợp đầy đủ dẫn đến việc không vay vốn kịp thời để

triển khai thực hiện dự án hoặc dẫn đến phát sinh tình hình vay, trả nợ ngoài kế hoạch đã dự kiến thì các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm 2021:

Báo cáo chi tiết theo từng dự án các nội dung như sau:

- Nhà tài trợ;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Tổng số vốn ký kết theo Hiệp định: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Đánh giá thực hiện năm 2020: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Dự toán năm 2021: bao gồm số cấp phát và số vay lại.

(Chi tiết theo Mẫu biểu số 08 đính kèm Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính).

V. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn này; thông báo của cơ quan tài chính về số kiểm tra năm 2021 và dự kiến giao thu chi ngân sách năm 2022, 2023; các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi lập dự toán thu chi ngân sách của cấp mình, ngành mình; tổng hợp dự toán thu chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023 gửi cho Sở Tài chính; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ bản dự kiến thực hiện trong năm 2020 (có sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, cơ cấu nguồn vốn) và dự toán thu NSNN năm 2020 cho Cục Thuế thành phố trước ngày 12/8/2020.

Các biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn này được đăng tải trên trang web của Sở Tài chính thành phố tại địa chỉ <http://www.tcvg.hochiminhcity.gov.vn>

2. Căn cứ chỉ tiêu thu năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023 do cơ quan thu xây dựng, kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, dự toán chi ngân sách do các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện lập, Sở Tài chính tiến hành tổng hợp để báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

3. Sau khi có Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2021 chính thức của Chính phủ, trước ngày 10/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua dự toán và phân bổ dự toán ngân sách thành phố năm 2021. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 cho các Sở - ban - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện. Căn cứ Quyết định giao dự toán năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành

phố, các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận- huyện tiến hành phân bổ và giao dự toán thu chi ngân sách cho phường- xã- thị trấn và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc **trước ngày 31/12/2020**.

Để đảm bảo việc xây dựng dự toán NSNN năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023 theo đúng quy định, đúng thời hạn, đề nghị Thủ trưởng Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận- huyện và các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quan tâm chỉ đạo thực hiện hướng dẫn của Sở Tài chính tại công văn này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế thành phố để cùng trao đổi, xử lý kịp thời. *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP: CT, PCT/TM (để báo cáo);
- Ban KTNS – HĐND TP (để báo cáo);
- Sở KH&ĐT, Cục Thuế TP (để phối hợp);
- Phòng TCKH các quận huyện (để thực hiện);
- GD, các PGD;
- Chi cục TCDN; Các phòng ban thuộc Sở;
- Lưu: VT, NS.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Hà

(Đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đvt: triệu đồng

[illegible]

UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 02
(Biểu số 07 - TT342)

DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM ...
(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	I	2	3	4	5
I	Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)				
-	Lệ phí ...				
-	Lệ phí ...				
	...				
II	Số thu phí				
1	Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
	...				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)				
a	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
b	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
c	...				
3	Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
III	Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)				

ĐVT: triệu đồng

..., ngày...tháng...năm...
TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ...-...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	Cơ sở	1	2	3	4
1	Dân số	người				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vắng lai	người				
2	Số người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	Lượt người				
	Trong đó:					
	- Số người nghèo theo tiêu chí thu nhập	người				
	- Số người nghèo do thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	người				
	- Tỷ lệ nghèo	%				
3	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh bán trú	học sinh				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
	+ Số trường cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	trường				
4	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở				
	- Số giường bệnh	Giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường				
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường				
	+ Giường y tế xã phường	Giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người				
	+ Học sinh, sinh viên	Người				

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ...-...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	Cơ sở	1	2	3	4
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người				
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người				
5	Chỉ tiêu đảm bảo xã hội					
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	Người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số					
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo					
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				

..., ngày....tháng....năm...
TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH

UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 04
(Biểu số 32 - TT342)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...
(Đính kèm Công văn số 6055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
A	TỔNG CHI NSDP QUẢN LÝ (I+II)			
I	CHI CÁN ĐỐI NSDP			
1	Chi đầu tư phát triển			
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)			
	Trong đó:			
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn			
a	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước			
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực			
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đáng, đoàn thể			
m	Chi đảm bảo xã hội			
n	Chi khác			
2	Chi thường xuyên			

ĐVT: triệu đồng

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2020 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đáng, đoàn thể			
m	Chi đảm bảo xã hội			
n	Chi khác			
3	Dự phòng ngân sách			
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu			
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác			
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NSDP			

..., ngày....tháng....năm...

TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH

UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 05

(Biểu số 35 - TT342)

DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẠT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ) NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
1	Sự nghiệp giáo dục			
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			
	...			

Ghi chú: Không bao gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu.

..., ngày...tháng...năm...

TM. UBND QUẬN - HUYỆN

CHỦ TỊCH

DỰ KIẾN NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020	
I	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020	
1	70% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) thực hiện 2019 so dự toán Thành phố giao năm 2019	
2	50% giảm thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) thực hiện 2019 so dự toán Thành phố giao năm 2019	
3	50% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2020 so dự toán 2019 Thành phố giao	
4	50% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2019 so dự toán 2018 Thành phố giao	
5	50% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2018 so dự toán 2017 Thành phố giao	
6	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017	
7	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán tăng thêm năm 2020 so với năm 2017 theo QĐ giao dự toán năm 2020	
8	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2020:	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên	
	+ Học phí	

	+ Viện phí		
	+ Nguồn thu khác		
9	Nguồn tiết kiệm chi gần với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18, 19 năm 2020		
	+ Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy		
	+ Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị		
	+ Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp		
	+ Từ việc sát nhập các xã không đủ điều kiện, tiêu chuẩn		
10	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng hết chuyển sang 2020		
11	Nguồn BSCMT giao dự toán năm 2020 để thực hiện CCTL (nếu có)		
II	TỔNG NHU CẦU CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020		
1	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đủ 12 tháng		
2	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP tính đủ 12 tháng		
3	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP tính đủ 12 tháng		
4	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định		
a	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBK năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đủ 12 tháng		
b	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014		
c	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2020 theo NĐ số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015		
d	Kinh phí giảm do điều chỉnh mức khoán đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ		
5	Nhu cầu thực hiện thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù theo NQ số 03/2018/NQ-HĐND và NQ số 17/2019/NQ-HĐND		
III	CHENG LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020		
1	Phân thiếu nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư		

B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CẦN ĐỐI NSĐP NĂM 2020 (nếu có)	
C	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CHỈ TRẠ CẤP CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (bảng III.2 trường hợp B=0; bảng (III.2 - B) trường hợp B>0, để nghị QH cung cấp cơ sở nhân lực)	
D	NGUỒN NSĐP ĐẢM BẢO TỪ NGUỒN CCTL CÒN DƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SAU KHI ĐẢ SỬ DỤNG 50% NGUỒN DỰ PHÒNG NSĐP	
E	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH THEO NQ SỐ 42/NQ-CP (C-D)	

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
1	Dân số	Triệu người					
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
4	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người					
	- Số học sinh	Người					
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người					
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					
5	Y tế:						
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở					
	- Số giường bệnh	Giường					
	Trong đó:						
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường					
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường					
	+ Giường y tế xã phường	Giường					
	- Số đối tượng mua BHYT						
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người					
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người					
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người					
	+ Học sinh, sinh viên	Người					

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người					

..., ngày ... tháng... năm

**TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

UBND QUẬN, HUYỆN ...

PHỤ LỤC 08
(Biểu số 04 - TT69)

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách địa phương						
1	Chi đầu tư phát triển						
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)						
	Trong đó:						
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn						
a	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước						
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
2	Chi thường xuyên						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
3	Dự phòng ngân sách						
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						

....., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 09
(Biểu số 06 - TT69)

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỐ BỎ SUNG CHI THỰC HIỆN CÁCH TIỀN LƯƠNG
(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6
I	Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSDP						
	- 50% tăng thu NSDP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSDP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
(3)	Từ nguồn giá học phí						
(4)	Từ nguồn giá viện phí						
(5)	Thu sự nghiệp khác						
III	Kinh phí để xuất phát bổ sung hoặc chuyển nguồn	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

....., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày /0 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm N- 1	Ước thực hiện năm N- 1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSĐP							
I	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp							
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
III	Thu kết dư							
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSĐP							
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương							
1	Chi đầu tư phát triển							
2	Chi thường xuyên							
3	Dự phòng ngân sách							
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							

Ghi chú : Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

...., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 11
(Biểu số 08-ND31)

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
1	Thu nội địa					
2	Tốc độ tăng thu (%)					
3	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
4	Trong đó:					
5	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (*)					
6	Thuế thu nhập cá nhân					
7	Thuế bảo vệ môi trường					
8	Lệ phí trước bạ					
9	Thu tiền sử dụng đất					
II	Thu viện trợ					
10	Tốc độ tăng thu (%)					
11	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

Ghi chú:

(*) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

...., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 5055 /STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú: (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

....., ngày ... tháng ... năm
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)